

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 903/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2017

V/v ly hôn giữa chị L và anh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính

Bà Trương Thị Thu Hiền

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hồng Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ B, khu vực N, phường M, thành phố Q, T. Bình Định; (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm P, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ B, khu vực N, phường M, thành phố Q, T. Bình Định; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-02-2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Chị và anh Phạm P đăng ký kết hôn số 390 ngày 21-11-1988 tại UBND phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2012 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh P sống không có trách nhiệm với vợ con, hiện vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng không thể hàn gắn

được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ L1, sinh ngày: 19-9-1989, Phạm Thị Mỹ L2, sinh ngày: 27-9-1992 và Phạm Thị Mỹ L3, sinh ngày 05-7-2000. Hiện nay sức khỏe các con của chị vẫn bình thường. Cháu L1 và cháu L2 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Cháu L3 chưa đủ tuổi thành niên, hiện đang ở với anh chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L3 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phạm P: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa, không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L về việc xin ly hôn anh Phạm P và nuôi dưỡng con chung. Về án phí, chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm P - Là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm P.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phạm P là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh P vì mâu thuẫn giữa chị và anh P đã trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh P đến Tòa để khai báo, hòa giải tạo điều kiện cho anh P hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P cố tình vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị L và anh P không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh P có 03 con chung tên: Phạm Thị Mỹ L1, sinh ngày 19-9-1989, Phạm Thị Mỹ L2, sinh ngày 27-9-1992 và Phạm Thị Mỹ L3, sinh ngày 05-7-2000. Hiện nay sức khỏe các con của anh chị vẫn bình thường. Cháu L1 và cháu L2 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Cháu L3 chưa đủ tuổi thành niên, hiện đang ở với anh chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L3 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tòa xét: Cháu L3 có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi chị L và anh P ly hôn, do đó yêu cầu nuôi con chung của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phạm P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Thị Mỹ L3, sinh ngày: 05-7-2000 cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004728 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phạm P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Kim Anh